

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **66/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/5/2018

V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Nga**

2. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Mỹ Dung**- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 672/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2018/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Kim O**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: C9/6KW Phạm Hùng, ấp 4A, xã H, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông **Vương Thành C**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: C9/6KW Phạm Hùng, ấp 4A, xã H, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

(Bà O có mặt; ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà O trình bày: Bà và ông C chung sống với nhau từ năm 1997, do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/01/1997 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/97. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Tuy nhiên, đến năm 2007 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, ông C không quan tâm đến cuộc sống gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà đã nhiều lần khuyên giải nhưng ông C vẫn không chịu sửa đổi, tình cảm vợ chồng ngày càng xấu đi, bà và ông C đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay, mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được, tình cảm đối với nhau cũng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 02 con chung tên Vương Hồ M (nữ), sinh ngày: 08/12/2000 và trẻ Vương Phúc H (nam), sinh ngày: 01/10/2008. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận không có.

Bị đơn ông C vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O đối với ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà O nộp đơn xin ly hôn đối với ông C. Ông C hiện đang cư trú tại huyện C. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông C đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa bà O và ông C nhưng ông C không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, ông C tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, ông C phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 01/97, do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/01/1997 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà O và ông C là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông C không thể hàn gắn được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà O thì giữa bà và ông C bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, ông C không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình. Mặt khác, trong quá trình hòa giải tại Tòa, ông C cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hòa giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông C.

[6] Về con chung: Bà O và ông C có 02 con chung tên Vương Hồ M (nữ), sinh ngày: 08/12/2000 và trẻ Vương Phúc H (nam), sinh ngày: 01/10/2008. Sau khi ly hôn, bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ My và Hưng và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của bà O yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 trẻ M và H và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời tại biên bản ghi nhận ý kiến trẻ nếu ba mẹ không sống chung với nhau thì trẻ M và trẻ H đều muốn sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ Vương Hồ M (nữ), sinh ngày: 08/12/2000 và trẻ Vương Phúc H (nam), sinh ngày: 01/10/2008 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo cho điều kiện phát triển bình thường của trẻ và phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông C.

[7] Về tài sản chung: Bà O yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà O xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà O đối với ông C.

Bà O được ly hôn với ông C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01/97 do Ủy ban nhân dân phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/01/1997 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà O và ông C có 02 con chung tên Vương Hồ M (nữ), sinh ngày: 08/12/2000 và Vương Phúc H (nam), sinh ngày: 01/10/2008.

Giao 02 con chung tên Vương Hồ M (nữ), sinh ngày: 08/12/2000 và Vương Phúc H (nam), sinh ngày: 01/10/2008 cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông C.

Ông C có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Bà O yêu cầu tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà O xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà O chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà O đã nộp theo biên lai thu số 0022070 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà O đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định